

chú ý nghiên cứu chuyên hướng và tăng cường sản xuất một số mặt hàng phục vụ sản xuất và sinh hoạt của nông, lâm, ngư dân trong điều kiện nguyên liệu thiết bị hạn chế của ngành như vải nhuộm đen anilin, mền bông tiết kiệm, vải bạt dày làm lăng lều, màng mỏng đi mưa, ủng cao su, yếm bảo hộ bằng cao su để phục vụ cho các vùng kinh tế mới, khay đựng trứng cho các trạm trại nuôi gà công nghiệp, phao lưới, đèn đánh cá, keo sơn xam thuyền, chum vại ướp chượp làm nước mắm.... Trong nước đã vươn lên từ sản xuất nhiều mặt hàng tiêu dùng thiết yếu và thông thường cho nhân dân. Hàng xuất khẩu đang được đẩy mạnh. Ngành công nghiệp tiêu dùng cũng đã đóng góp một phần tích lũy quan trọng cho nền kinh tế quốc dân.

Song so với yêu cầu, kết quả đạt được còn quá thấp. Tiến bộ kỹ thuật của ngành công nghiệp nhẹ chưa theo kịp với nhiệm vụ sản xuất. Mức sản xuất không theo kịp với nhu cầu của người tiêu dùng nhất là trong nông thôn và miền núi.

Nhiều địa phương có nhiều khả năng tận dụng nguyên liệu phế liệu tại chỗ để sản xuất hàng tiêu dùng và xuất khẩu, nhưng chưa quan tâm đầy đủ; coi nhẹ tiểu thủ công nghiệp, chưa thấy rõ mối quan hệ thúc đẩy, kích thích qua lại giữa sản xuất hàng tiêu dùng và các ngành sản xuất khác trong địa phương nhất là đối với sản xuất nông nghiệp. Một số mặt hàng đi từ nguyên liệu trong nông, lâm, ngư nghiệp chưa được chú ý phát triển mạnh như gôm, sứ, song, mây, tre, cói, lá, gỗ dân dụng v.v... Chưa tổ chức tận dụng các nguồn nguyên liệu của nông sản, chăn nuôi để chế biến ra thành phẩm có giá trị sử dụng cao như: lông thú, lông da cầm, các cây có dầu, cám gạo, cùi lõi ngô...

II. Những mục tiêu cơ bản và nhiệm vụ cụ thể:

Quán triệt đường lối chính sách phát triển nông nghiệp của Đảng, ngành sản xuất hàng tiêu dùng phải ra sức đẩy mạnh các mặt nghiên cứu khoa học kỹ thuật, ứng dụng những tiến bộ kỹ thuật theo phương hướng dựa vào nông, lâm, ngư nghiệp để hướng dẫn, tận dụng những khả năng dồi dào về nguyên liệu, lao động nhằm phát huy đúng đắn sản xuất hàng tiêu dùng, đáp ứng nhu cầu trong nhân dân, phục vụ đắc lực cho sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp.

Theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, ngành công nghiệp nhẹ có trách nhiệm chỉ đạo và phối hợp với các ngành khác bao gồm các cơ sở quốc doanh trung ương, quốc doanh địa phương và các hợp tác xã tiểu thủ công

để sản xuất hàng tiêu dùng trong cả nước.

Trong kế hoạch 5 năm 1976 - 1980. Nghị quyết của Đại hội Đảng lần thứ tư đã đề ra nhiệm vụ cho ngành công nghiệp nhẹ, thủ công nghiệp và tiểu công nghiệp là:

« Tận dụng mọi năng lực sản xuất, mọi hình thức tổ chức để sản xuất ngày càng nhiều hàng tiêu dùng, sớm chấm dứt tình trạng thiếu hàng tiêu dùng thông thường. Tập trung sức phát triển những ngành thuộc nhu cầu thiết yếu của đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, coi trọng việc làm thêm nhiều mặt hàng bảo hộ lao động. Phải chủ động giải quyết vấn đề nguyên liệu, thiết bị và kỹ thuật, nâng cao chất lượng sản phẩm, mỹ thuật công nghiệp và hạ giá thành sản phẩm». Thực hiện Nghị quyết trên đây, từ nay đến năm 1985 toàn ngành phấn đấu đạt mục tiêu cơ bản sau đây:

A. Các mục tiêu cơ bản:

1. Cùng với nông nghiệp và ngành lương thực, thực phẩm giải quyết tốt vấn đề ăn; tổ chức tốt khâu chế biến lương thực, thực phẩm, góp phần cải thiện bữa ăn hàng ngày của nhân dân, chú trọng chế biến màu, đưa màu vào diện lương thực chính, tăng thêm thức ăn chế biến từ sản, phát triển nhiều loại nước giải khát phục vụ rộng rãi.

2. Giải quyết một bước về mặc, phấn đấu đưa mức tiêu dùng vải lụa hơn hiện nay, đảm bảo đủ lạnh, ấm, nhất là đối với đồng bào ở rẻo cao; thêm một số mặt hàng phục vụ trang phục ngày lễ, ngày tết, thêm lụa, vải hoa, áo len cho phụ nữ và trẻ em.

Cố gắng cung cấp đủ giấy dép, bút tất, nhất là mặt hàng phục vụ cho trẻ em. Thỏa mãn nhu cầu về mũ nón, vải đi mưa, khăn mặt.

3. Cải thiện điều kiện ở, sinh hoạt gia đình ở nông thôn và thành thị. Từng bước trang bị cho các nhà trẻ mẫu giáo, trạm y tế, hộ sinh.

- Tạo điều kiện tổ chức sản xuất ngôi, gạch, vật liệu xây dựng ở nông thôn phục vụ yêu cầu xây dựng nhà ở.

- Cố gắng bảo đảm mỗi hộ gia đình có giường chiếu, chăn, màn, 1 bộ bàn ghế cả ấm chén, dụng cụ nấu ăn, có chum vại dụng cụ chứa đựng để bảo quản chế biến nông sản, thực phẩm...

- Chú ý nhu cầu phương tiện đi lại của nhân dân như xe đạp, thuyền xuồng nhỏ.

4. Nâng cao đời sống văn hóa: giải quyết tốt nhu cầu về học tập, sinh hoạt văn hóa, vui chơi giải trí, đồ dùng học tập, sách vở, giấy, bút cho học sinh. Từng bước trang bị

các phương tiện giảng dạy và dụng cụ thí nghiệm :

— Phát triển đồ chơi, nhạc cụ, dụng cụ thể dục thể thao phục vụ yêu cầu vui chơi giải trí, phong trào thể dục thể thao, văn hóa văn nghệ quần chúng.

— Mở rộng diện dùng máy thu thanh, một phần máy thu hình ở thành thị và nông thôn.

5 — Trên cơ sở phát triển sản xuất, tăng thêm công ăn việc làm cho người lao động; trong 3 năm 1978 — 1980 sẽ thu hút thêm khoảng 75 vạn người vào các cơ sở quốc doanh và tiểu thủ công nghiệp và đến năm 1985 sẽ thu hút thêm trên 1 triệu lao động trong khu vực tiểu thủ công nghiệp.

6 — Xuất khẩu là một trong những nhiệm vụ chiến lược của ngành sản xuất hàng tiêu dùng. Với biện pháp mạnh dạn cải tiến tổ chức sản xuất hàng xuất khẩu có khả năng tạo những bước phát triển mạnh về hàng xuất khẩu, nhất là các mặt hàng chế biến nông, lâm, hải sản, các mặt hàng thủ công mỹ nghệ.

B. Nhiệm vụ cụ thể :

Nhiệm vụ và tốc độ phát triển của hàng tiêu dùng đòi hỏi công tác khoa học kỹ thuật phải tập trung giải quyết ở cả 3 khâu : cơ sở sản xuất quốc doanh trung ương, cơ sở sản xuất ở các địa phương, đồng thời đẩy mạnh các cơ sở hợp tác xã tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp. Công việc cụ thể là :

1 — Điều tra, khảo sát, nghiên cứu, tận dụng triệt để nguồn nguyên liệu trong nước thay thế nguyên liệu nhập ngoại và nghiên cứu các phương pháp bảo quản, gia công sơ chế ban đầu để sử dụng hợp lý tiết kiệm, đạt mức tổng hợp lợi dụng tối đa. Chú trọng đến nguồn nguyên liệu từ nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và các khoáng sản trong nước.

2 — Thiết kế chế tạo phụ tùng thay thế, giảm dần số lượng và chủng loại nhập ngoại, từng bước cung cấp phụ tùng cho nhu cầu sửa chữa, duy trì tính năng kỹ thuật, trình độ tự động, bảo đảm thiết bị làm việc với năng suất cao, đạt được năng suất thiết kế của các cơ sở công nghiệp quốc doanh. Cải tiến thiết bị hiện có, chế tạo bổ sung, cân đối dây chuyền, nhất là khâu công nghệ hoàn thành thành phẩm, làm cho dây chuyền sản xuất đồng bộ, phát huy được năng lực sản xuất và tạo thêm giá trị của thành phẩm. Đồng thời thiết kế định hình hệ thống thiết bị gia công sơ chế nguyên liệu, một số dây chuyền sản xuất quy mô vừa và nhỏ để tận dụng nguồn nguyên liệu và lao động dồi dào của các địa phương, phù hợp với khả năng chế tạo trong

nước, nhanh chóng nâng cao năng lực sản xuất của toàn ngành công nghiệp tiêu dùng.

3 — Nghiên cứu cải tiến quy trình công nghệ, áp dụng phương pháp công nghệ mới nhằm sử dụng hợp lý, tiết kiệm nguyên liệu, nâng cao chất lượng sản phẩm nhất là đối với mặt hàng xuất khẩu.

4 — Nghiên cứu thiết kế phát triển mặt hàng mới, làm cho mặt hàng tiêu dùng trong nước ngày càng phong phú về chủng loại và có chất lượng.

Do đó, công tác khoa học kỹ thuật ở một số ngành chủ yếu tiến hành như sau :

— Ngành dệt, may mặc :

Đi sâu vào giải quyết năng lực của các dây chuyền thủ công, sử dụng thật cao năng suất thiết bị cơ giới và tự động, sử dụng hợp lý nguồn nguyên liệu bông xơ trong nước, đay gai, tơ tằm, cói... Ngành công nghiệp dệt phối hợp với nông nghiệp, nghiên cứu khảo sát tính năng cơ bản của các chủng loại bông trong nước phục vụ yêu cầu xây dựng quy hoạch vùng chuyên canh, thiết kế định hình các cơ sở sơ chế bông hạt để đón trước sản lượng bông sẽ phát triển trồng bông từ 3.500 tấn bông xơ lên 13.000 tấn năm 1980 và 25.000 tấn năm 1985.

— Tơ tằm là nguồn có khả năng xuất khẩu để đổi bông : 1 tấn tơ nồn trị giá 12 tấn bông xơ. Cần phát triển mạnh nghề nuôi tằm ươm tơ. Phổ biến phương pháp công nghệ ươm tơ nửa cơ giới quy mô 5 — 10 tấn/năm để xây dựng mạng lưới ươm tơ cho các cơ sở huyện, xã. Nghiên cứu thiết bị và công nghệ tận dụng các nguyên liệu thô của tơ tằm để chế biến ra sản phẩm có giá trị cao : tơ gổc để làm dũi, sồi, màng kén... Hiện nay tơ tằm sản xuất còn rất thấp, mới đạt 200 tấn/năm, cần phát triển lên 300 tấn/năm (1980) và 1.000 tấn/năm (1985).

— Đay là loại cây có khả năng phát triển nhanh, cần nghiên cứu cơ giới hóa từ khâu ngâm dầy, phơi, sấy, đến khâu gia công chế biến thành xơ và kéo sợi đay. Đẩy mạnh phát triển dệt đay, thảm đay, vừa thu hút được nhiều lao động thủ công vừa tăng mặt hàng xuất khẩu có giá trị. Yêu cầu phát triển diện tích trồng đay từ 17.000 ha (1970) đến 25.000 ha (1980) và 40.000 ha (1985) như vậy, có khả năng thu hoạch từ 34.000 tấn (1978) đến 55.000 tấn (1980) và 100.000 tấn (1985).

— Đi đôi với việc nghiên cứu sử dụng bông xơ thiên nhiên cần mau chóng phát triển trồng các loại cây có hàm lượng xenlulô cao, xơ dài như thông hoặc các loại cây thích hợp cho sản xuất xơ vитеô như bồ đề, đề

trong kế hoạch sau sẽ xây dựng thêm nhà máy sản xuất vit-cô. Do đó công tác khoa học kỹ thuật phải đi sâu nghiên cứu cơ bản các loại cây trên có lợi cho cả lâm nghiệp và công nghiệp.

Ngoài việc nghiên cứu về nguyên liệu ngành dệt, may mặc cần đi sâu cải tiến các phương pháp gia công, chỉnh lý, thiết kế các mặt hàng dệt, may mặc phù hợp với điều kiện sử dụng trong các môi trường sinh hoạt, lao động khác nhau của nông, lâm, ngư dân.

— Ngành giấy, gỗ :

Tiếp tục nghiên cứu điều tra cơ bản các loại thực vật thân thảo và thân gỗ, dựa vào nguồn nguyên liệu sẵn có xác định tuổi khai thác có lợi nhất và đề xuất nguyên liệu phải trồng để nhanh chóng giải quyết nhu cầu sản xuất giấy. Cần đẩy mạnh phát triển các loại nguyên liệu trên nhằm đạt 520.000 tấn nguyên liệu để sản xuất ra 130.000 tấn giấy năm 1980 như mục tiêu của Đại hội Đảng lần thứ tư đề ra.

— Tiếp tục nghiên cứu và phổ biến phương pháp công nghệ sản xuất bột giấy có hiệu quả nhất đối với mỗi loại nguyên liệu (gỗ, rơm, bã mía, lau sậy, tre, nứa, thân cây đay...). Thiết kế định hình dây chuyền sản xuất bột 1.000 tấn/năm, hoàn chỉnh thiết kế chế tạo hàng loạt thiết bị cắt mảnh của gỗ và thiết bị nghiền xé mảnh gỗ, rơm, bã mía... nhằm tận dụng triệt để các nguyên liệu cho giấy. Hướng dẫn áp dụng rộng rãi phương pháp sản xuất bột nhiệt cơ học và kiểm lạnh, nghiên cứu giấy bao gói hóa chất, xi măng, phân bón, giấy cactông, giấy lọc dầu máy cho ô-tô... Những vấn đề này đã được Viện Công nghiệp giấy Xen-luy-lô, các cơ sở sản xuất giấy Tân Mai, Đồng Nai nghiên cứu có kết quả, cần phổ biến ứng dụng cho các địa phương.

— Về chế biến gỗ cần nghiên cứu thiết kế định hình các mẫu đồ dùng bằng gỗ phù hợp với các gia đình nông thôn và thành thị, phù hợp với quá trình gia công của các xí nghiệp, các cơ sở thủ công nghiệp nhằm sản xuất nhanh, sử dụng tiết kiệm nguyên liệu, có mỹ thuật. Cần nghiên cứu các kiểu mẫu, sử dụng kết hợp gỗ, song, tre, mây để tiết kiệm gỗ, đề phổ cập cho từng huyện, xã tự gia công chế tạo.

— Ngành da :

Cần nghiên cứu mở rộng các mặt hàng da từ da trâu, bò, lợn phục vụ tiêu dùng và công nghiệp, mau chóng định hình cơ sở chế da địa phương với quy mô 5-10 vạn con/năm để áp dụng cho các tỉnh tận dụng da lợn và

da trâu bò. Cần nghiên cứu thuộc da theo phương pháp nhanh và nghiên cứu các loại hóa chất từ thực vật trong nước (latex, dầu thảo mộc, dầu cá) để có khả năng chế biến các loại da sản xuất các mặt hàng có giá trị xuất khẩu cao như găng tay, áo da và đồ dùng khác bằng da. Cần tận dụng các da đặc sản như da rắn, kỳ đà, cá sấu v.v...

Da lông thú cũng là nguồn vật liệu cao cấp, cần phổ biến rộng rãi kỹ thuật thuộc da lông thú để tăng thêm mặt hàng xuất khẩu.

Một nguồn nguyên liệu khá phổ biến trong nước ta là lông gia cầm, cần nghiên cứu phương pháp công nghệ sơ chế ban đầu và phổ biến rộng rãi cho các hợp tác xã nông nghiệp, các huyện để thu mua, đồng thời nghiên cứu kỹ thuật chế biến các loại lông gia cầm để sản xuất ra các mặt hàng có giá trị cao (mền chăn, mền gối...).

— Ngành sành sứ, thủy tinh :

Ta có ưu thế về nguyên liệu cho ngành sành sứ, thủy tinh, như cao lanh, đất sét, tràng thạch, hoạt thạch, cát và than... Cần tập trung thiết kế định hình các dây chuyền sản xuất sứ, thủy tinh phù hợp với khả năng chế tạo thiết bị trong nước để nhanh chóng xây dựng cho nhiều địa phương trong thời gian ngắn ; nghiên cứu sử dụng than đá thay củi cho các lò thủ công, nứa cơ giới ; nghiên cứu sản xuất men màu cung cấp cho các cơ sở sứ địa phương để nâng cao chất lượng mỹ thuật các mặt hàng gốm, sứ, nghiên cứu cơ giới hóa sản xuất sành nhất là khâu làm đất, đề tăng năng lực sản xuất chum vại, ống dẫn nước phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp.

— Ngành sản xuất song, mây, tre, mỹ thuật :

Ngành sản xuất này có nhiều tiềm năng ở hầu khắp các vùng nông thôn và rừng núi ; không đòi hỏi nhiều trang bị, tận dụng được lực lượng lao động thủ công và nông dân khi nhàn rỗi. Tận dụng các nguồn tiềm năng này không những ta đủ khả năng giải quyết những đồ dùng thông thường và thiết yếu trong tiêu dùng như rổ, rá, mũ lá, nón, chiếu, mà còn phát triển mặt hàng cho xuất khẩu như thảm cói, sản phẩm mỹ nghệ từ cói ; làn, mũ, dép... thảm bẹ ngô, xơ dừa, song mây đan, mảnh mảnh tre, trúc, cọ, bàn ghế mây, song, tre... các loại hàng sơn mài, khảm trai, chạm, thêu, ren... Cần tập trung nghiên cứu và phổ biến rộng rãi các phương pháp xử lý nguyên liệu, sơ chế nguyên liệu bằng các thiết bị cơ giới và nửa cơ giới để nâng cao chất lượng và mỹ thuật mặt hàng, nghiên cứu thiết kế sản phẩm mẫu và phổ biến để các cơ sở áp dụng.

BỘ HẢI SẢN THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG KHOA HỌC

GIÚP Bộ trưởng quyết định các vấn đề về khoa học kỹ thuật trong toàn ngành, ngày 12 tháng 4 năm 1978, Bộ Hải sản đã thành lập Hội đồng khoa học của Bộ.

Hội đồng do đồng chí Nguyễn Bá Phát, Thứ trưởng chủ tịch hội đồng, và có 2 phó chủ tịch và 30 ủy viên.

Thành phần của Hội đồng đại diện cho lực lượng khoa học, kỹ thuật thuộc các lĩnh vực chuyên môn và quản lý kinh tế trong toàn ngành.

Hội đồng được giao nhiệm vụ tư vấn giúp Bộ trưởng quyết định các vấn đề về phương

hướng phát triển khoa học kỹ thuật hải sản; ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất; xét duyệt sáng kiến cải tiến kỹ thuật và các vấn đề khoa học kỹ thuật khác trong toàn ngành.

Ngày 12 tháng 5 năm 1978, Hội đồng khoa học Bộ Hải sản đã họp phiên toàn thể lần thứ I để bàn phương hướng công tác và thành lập các tiểu ban: - Sinh học và nuôi trồng; - Nguồn lợi ngư trường và khai thác; - Bảo quản và chế biến hải sản; - Cơ khí - Tàu thuyền; - Xây dựng cơ bản; - Kinh tế.

Hiện các tiểu ban đã bước vào hoạt động

HỘI NGHỊ CHUYÊN ĐỀ NGHIÊN CỨU SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI, GIÓ, KHÍ SINH VẬT

TRONG 2 ngày 5 và 6 tháng 7 năm 1978 tại Hà Nội, Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước đã phối hợp với Ban Chủ nhiệm chương trình tiến bộ khoa học - kỹ thuật trọng điểm của Nhà nước về năng lượng tổ chức hội nghị chuyên đề: «Nghiên cứu sử dụng năng lượng mặt trời, gió, khí sinh vật» nhằm mục đích:

- Kiểm điểm sơ bộ tình hình nghiên cứu sử dụng các nguồn năng lượng này ở nước ta trong những năm qua.

- Xác định phương hướng và nội dung nghiên cứu cụ thể trước mắt (1978 - 1980) và lâu dài (sau 1980) phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện, đối tượng sử dụng trong cả nước.

- Xác định kế hoạch phân công chủ trì, phối hợp phù hợp chức năng và khả năng của từng cơ sở nghiên cứu.

Đến dự hội nghị có gần 50 cán bộ khoa học kỹ thuật đại diện cho gần 40 cơ quan nghiên cứu và quản lý công tác khoa học kỹ thuật thuộc các bộ, các tổng cục, các ngành liên quan và một số địa phương. Dự hội nghị còn có đại biểu của Văn phòng Phủ thủ tướng, một số cán bộ của các vụ quản lý khoa học kỹ thuật thuộc Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước. Đồng chí Lê Khắc, Phó Chủ nhiệm

Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước đã dự nghe các báo cáo tham luận, và đã cùng toàn thể đại biểu xem khu trưng bày một số mẫu mô hình thiết bị sử dụng năng lượng mặt trời, gió do Viện quy hoạch và thiết kế Điện thuộc Bộ Điện và Than tổ chức.

Hội nghị đã làm việc trong hai ngày, đã rút ra được một số nhận xét về tình hình và kết quả nghiên cứu của các đơn vị nghiên cứu trong nước các năm qua, xác định được phương hướng nghiên cứu chủ yếu, xác định được khoảng 16 đề tài nghiên cứu khoa học kỹ thuật cần được tiếp tục hoàn thiện và nghiên cứu trong 3 năm 1978 - 1980 và sau năm 1980. Qua việc xem xét khả năng, chức năng và nguyện vọng của từng cơ sở nghiên cứu, hội nghị cũng đã đề xuất được kế hoạch phân công chủ trì, phối hợp giữa các cơ sở nghiên cứu với nhau.

Hội nghị nhất trí nêu lên một số kiến nghị đề Ban Chủ nhiệm chương trình cùng Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước xem xét giúp đỡ, tác động với các cơ quan có trách nhiệm của Nhà nước để nhanh chóng giải quyết những khó khăn về nguyên, vật liệu, trang bị, khí cụ, kinh phí sự nghiệp, ngoại tệ, hợp tác quốc tế v.v...

HỘI NGHỊ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VỀ CHĂN NUÔI - THÚ Y CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP

Vừa qua, tiêu ban chăn nuôi - thú y thuộc Hội đồng khoa học kỹ thuật Bộ Nông nghiệp đã tổ chức hội nghị đánh giá kết quả nghiên cứu chăn nuôi - thú y năm qua.

Hội nghị đã nhất trí thông qua một số điểm sau:

Những kết quả có triển vọng đưa thành tiến bộ kỹ thuật phục vụ phát triển chăn nuôi lợn là:

+ Bảng thành phần hóa học và dinh dưỡng thức ăn gia súc ở Việt Nam sẽ được trình Bộ Nông nghiệp ban hành.

+ Đề tài chế biến, sử dụng thân cây ngô chín sếp (đã thu bắp) làm thức ăn gia súc có thể ứng dụng ở vùng trồng nhiều ngô, có máy nghiền, để thay một phần cám xấu.

+ Đề tài nghiên cứu sử dụng biovit-40, và bổ sung lyzin thô, B12 thô vào khẩu phần cho lợn cần được tổ chức ứng dụng trong sản xuất.

+ Công thức lai kinh tế giữa lợn Đại bạch và lợn Móng Cái có kết quả tốt, đề nghị đưa áp dụng ở vùng nuôi lợn Đại bạch và lợn Móng Cái.

+ Phương pháp lấy tinh dịch lợn đực không dùng âm đạo đã có kết quả bước đầu, sau khi thí nghiệm hoàn chỉnh có thể ứng dụng ở những trạm thụ tinh nhân tạo lợn quy mô nhỏ.

+ Quy trình tổng hợp phòng trừ chống bệnh lợn con ỉa cứt trắng do Viện Thú y đề xuất và chủ trì, các cơ quan khác như Cục Thú y, Viện khoa học Nông nghiệp, Trường

đại học Nông nghiệp I, Viện Chăn nuôi, Tổng cục Chăn nuôi, Công ty nông trường quốc doanh... tham gia tổ chức thực hiện, để qua vụ đông xuân này sẽ tổng kết, rút ra những kết luận chỉ đạo sản xuất.

Những kết quả có triển vọng đưa thành tiến bộ kỹ thuật phục vụ phát triển chăn nuôi gà:

+ Dùng khô dầu cao su làm thức ăn đậm thay một phần khô dầu đỗ tương trong thức ăn hỗn hợp nuôi gà; có thể ứng dụng ở các tỉnh phía nam.

+ Nghiên cứu sử dụng biovit-40, lyzin thô, B12 thô, trong khẩu phần cho gà, có thể đưa ứng dụng trong sản xuất.

+ Thí nghiệm dùng vaccin laxota nhỏ mũi cho gà dưới 60 ngày tuổi đã có kết quả bước đầu, và cho mở rộng thực nghiệm ở một huyện thuộc Hà Nam Ninh trong vụ Đông 1977-1978.

+ Đề tài nghiên cứu sử dụng vaccin đậu gà có kết quả tốt nhưng cần so sánh thêm hiệu lực của một số chủng gốc. Quy trình phòng trị bệnh Mycoflamosis và bệnh cầu trùng gà cũng có thể cho ứng dụng thử ở một số cơ sở sản xuất.

Các kết quả nghiên cứu đang được khuyến khích và tiếp tục thực hiện:

- Kết quả vẽ dùng miễn dịch huỳnh quang trong chẩn đoán bệnh dại; vẽ hệ vi sinh vật trong dạ cỏ của trâu; vẽ một số chỉ tiêu sinh hóa máu của bò vàng;

NHỮNG NGƯỜI VIẾT BÀI TRONG SỐ NÀY

VÕ NGUYỄN GIÁP

- Ủy viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng,
Phó Thủ tướng Chính phủ.

TRẦN QUỲNH

- Ủy viên Trung ương Đảng,
Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước.

HỒ THỊ CHÍ

- Thứ trưởng Bộ Công nghiệp nhẹ.

ĐƯỜNG HỒNG DẬT

- Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp.

AN KHANG

- Quyền Vụ trưởng Vụ Tổng hợp và kế hoạch,
Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước.

NGUYỄN TRẦN DƯƠNG

- Trợ lý Vụ trưởng Vụ Tổng hợp và kế hoạch,
Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước.